

Bản án số: 46/2017/HSST
Ngày 20 - 7- 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông. Ông Lê Xuân Nghiêm

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi công tác: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bà. Trương Thị Khung

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng giáo dục, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSST, ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Đồng Văn C, sinh ngày 19 tháng 03 năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 0, xã N, huyện L, tỉnh B.

Nơi ở : Thôn 0, xã N, huyện L, tỉnh B.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đồng Văn Quyết, sinh năm 1970; con bà Vũ Thị Soạn, sinh năm 1970; có 02 anh em ruột, bị cáo là thứ nhất; Vợ chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 04 năm 2017 đến ngày 19 tháng 5 năm 2017 thì thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Đức T, sinh ngày 05 tháng 04 năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố B, xã N, huyện L, tỉnh B.

Nơi ở: Phố B, xã N, huyện L, tỉnh B.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Đức Long, sinh năm 1951 (đã chết) và con bà Đồng Thị Nguyên, sinh năm 1952; có 02 anh chị em ruột, bị cáo là thứ hai; Vợ: Trần Phương Thảo, sinh năm 1997; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 04 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 thì thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Minh D , sinh năm 1963.

Trú tại: Xóm M, xã A, huyện L, tỉnh B.

Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đồng Văn C; Nguyễn Đức T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 03 giờ 5 phút ngày 15 tháng 04 năm 2017, tại Km 78 Quốc lộ 1A thuộc thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Công an huyện H phối hợp với trạm cảnh sát giao thông Tùng Diên thuộc phòng cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt Công an tỉnh Lạng Sơn, phát hiện Đồng Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98 B2- 039.43 chở Nguyễn Đức T , đi hướng từ Lạng Sơn về Bắc Giang có dấu hiệu vận chuyển pháo nổ. Tổ công tác đã yêu cầu dừng xe kiểm tra. Đồng Văn C không chấp hành, điều khiển xe theo hướng Lạng Sơn, sau đó rẽ vào đường thôn P, xã H tổ công tác dừng xe đưa về Công an huyện H để Kiểm tra. Kết quả phát hiện trong ba lô của Nguyễn Đức T đeo trên lưng có 04 bánh pháo nổ dạng cuộn tròn đường kính 27 cm, cao 07 cm có T lượng 05kg và 03 bánh pháo nổ loại pháp tép có kích thước 40 cm x 5,5 cm x 4,5 cm có T lượng 02 kg; trong ba lô để tại giá đỡ hàng của xe mô tô biển kiểm soát 98 B2- 039.43 có 02 túi ni lông màu đen bên trong có 03 hộp pháo nổ loại pháo hoa dàn 49 quả/ 01 hộp có T lượng 06 kg, tổng số pháo nổ thu được là 13 kg, Đồng Văn C và Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ số pháo nổ thu được là do T nhờ C mua từ Trung Quốc mang về Việt Nam để sử dụng trong đám cưới của T. Công an huyện H đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ số Pháo nổ và các vật chứng liên quan gồm:

02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi nilon màu đen đã bị rách; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA E xciter, biển kiểm soát 98B2 – 039.43 đã cũ màu xanh – trắng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONYX peria XA màu trắng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lăng Văn N của xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 039.43 do phòng cảnh sát giao thông Công an Bắc Giang cấp ngày 12/6/2014. Sau khi làm rõ cơ quan Công an huyện H đã tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ và trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98 B2 – 039.43 cùng các giấy tờ liên quan cho anh Hoàng Minh D là chủ xe mô tô cho Nguyễn Đức T mượn tuy nhiên, T và C sử dụng xe làm phương tiện phạm tội anh D không biết. Người đàn ông Trung Quốc bán pháo nổ cho Đồng Văn C không biết rõ lý lịch nên không đặt vấn đề sử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình và khẳng định bị cáo bị truy tố, xét xử về tội buôn lậu là đúng người, đúng tội.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “buôn lậu” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 153; các Điều 20; 30; 45; 53 điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo Đồng Văn C từ 13 triệu đến 15 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, Điều 153; các Điều 20; 30 45; 53 điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ luật hình sự, điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 10 triệu đến 12 triệu sung công quỹ Nhà nước.

* Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự và điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi ni lon màu đen đã bị rách do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: Sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONYX PERIA XA màu trắng đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì dán kín.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa.

XÉT THẤY:

Các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Do biết Đồng Văn C đang làm thuê tại nước Trung Quốc nên ngày 10/4/2017 Nguyễn Đức T gọi điện thoại cho C nhờ mua hộ pháo từ nước Trung Quốc về Việt Nam để sử dụng trong dịp đám cưới T. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/ 4/2017 Đồng Văn C mua của một người đàn ông Trung Quốc không biết tên 13 kg pháo nổ các loại với giá 1.000.000đ, sau đó gọi điện thoại cho T điều khiển xe mô tô

biển kiểm soát 98B2- 039.43 lên cửa khẩu Tân Thanh thuộc huyện Văn Lãng, Lạng Sơn để đón C mang pháo nổ về đến km 78 quốc lộ 1A thuộc thôn B, xã C, huyện H thì bị Công an huyện H phát hiện truy đuổi bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số pháo nổ cùng phương tiện và các vật chứng khác. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo phạm tội “buôn lậu”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 54/VKS-HS ngày 02 tháng 7 năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T về tội “buôn lậu” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với một số hàng hóa mà nhà nước cấm, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi buôn lậu pháo nổ là trái pháp luật, nhưng vì coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Đồng Văn C thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông nội Đồng Quốc Lạp là liệt sỹ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức T thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ Nguyễn Đức Long được Nhà nước tặng Huân chương kháng C hạng Ba, được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh B tặng bằng Khen đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, “Hội đồng xét xử” xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà xử các bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng là đủ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi ni lon màu đen đã bị rách do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: Sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONYX PERIA XA màu trắng đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì dán kín. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 4 năm 2017).

* **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T phạm tội “buôn lậu” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1, Điều 153; Điều 20; 45; 53 điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46, 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn C 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, Điều 153; Điều 20; 45; 43 điểm p; h khoản 1 Điều 46, 60 Bộ luật hình sự, điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 7 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi ni lon màu đen đã bị rách do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: Sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SoNYX PERIA XA màu trắng đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì dán kín. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 4 năm 2017).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện H (02 BA);
- VKS huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã N, huyện L;
- UBND xã N, huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- THA hình sự (02 BA);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Bảo

TAND HUYỆN H
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 46 /2017/HSST
Ngày 20 - 7- 2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông. Ông Lê Xuân Nghiêm

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu

Nơi công tác: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bà. Trương Thị Khung

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng giáo dục, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSST, ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Đồng Văn C; Sinh ngày 19 tháng 03 năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 0, xã N, huyện L, tỉnh B.

Nơi ở : Thôn 0, xã N, huyện L, tỉnh B.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đồng Văn Quyết, sinh năm 1970; con bà Vũ Thị Soạn, sinh năm 1970; có 02 anh em ruột, bị cáo là thứ nhất; Vợ chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 04 năm 2017 đến ngày 19 tháng 5 năm 2017 thì thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Đức T; Sinh ngày 05 tháng 04 năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố B, xã N, huyện L, tỉnh B.

Nơi ở: Phố B, xã N, huyện L, tỉnh B.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Đức Long, sinh năm 1951 (đã chết) và con bà Đồng Thị Nguyên, sinh năm 1952; có 02 anh chị em ruột, bị cáo là thứ hai; Vợ: Trần Phương Thảo, sinh năm 1997; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 04 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 thì thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Minh D , sinh năm 1963.

Trú tại: Xóm M; xã A, huyện L, tỉnh B.

Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đồng Văn C; Nguyễn Đức T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 03 giờ 5 phút ngày 15 tháng 04 năm 2017, tại Km 78 Quốc lộ 1A thuộc thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Công an huyện H phối hợp với trạm cảnh sát giao thông Tùng Diễn thuộc phòng cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt Công an tỉnh Lạng Sơn, phát hiện Đồng Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98 B2- 039.43 chở Nguyễn Đức T, đi hướng từ Lạng Sơn về Bắc Giang có dấu hiệu vận chuyển pháo nổ. Tổ công tác đã yêu cầu dừng xe kiểm tra. Đồng Văn C không chấp hành, điều khiển xe theo hướng Lạng Sơn, sau đó rẽ vào đường thôn P, xã Htổ công tác dừng xe đưa về Công an huyện H để Kiểm tra. Kết quả phát hiện trong ba lô của Nguyễn Đức T đeo trên lưng có 04 bánh pháo nổ dạng cuộn tròn đường kính 27 cm, cao 07 cm có T lượng 05kg và 03 bánh pháo nổ loại pháp tép có kích thước 40 cm x 5,5 cm x 4,5 cm có T lượng 02 kg; trong ba lô để tại giá để hàng của xe mô tô biển kiểm soát 98 B2- 039.43 có 02 túi ni lông màu đen bên trong có 03 hộp pháo nổ loại pháo hoa dàn 49 quả/ 01 hộp có T lượng 06 kg, tổng số pháo nổ thu được là 13 kg, Đồng Văn C và Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ số pháo nổ thu được là do T nhờ C mua từ Trung Quốc mang về Việt Nam để sử dụng trong đám cưới của T. Công an huyện H đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ số Pháo nổ và các vật chứng liên quan gồm:

02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi nilon màu đen đã bị rách; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, biển kiểm soát 98B2 – 039.43 đã cũ màu xanh – trắng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONYX peria XA màu trắng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lăng Văn N của xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 039.43 do phòng cảnh sát giao thông Công an Bắc Giang cấp ngày 12/6/2014. Sau khi làm rõ cơ quan Công an huyện H đã tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ và trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98 B2 – 039.43 cùng các giấy tờ liên quan cho anh Hoàng Minh D là chủ xe mô tô cho Nguyễn Đức T mượn tuy nhiên, T và C sử dụng xe làm phương tiện phạm tội anh D không biết. Người đàn ông Trung Quốc bán pháo nổ cho Đồng Văn C không biết rõ lý lịch nên không đặt vấn đề sử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình và khẳng định bị cáo bị truy tố, xét xử về tội buôn lậu là đúng người, đúng tội.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “buôn lậu” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 153; các Điều 20; 30; 45; 53 điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Đề N xử phạt bị cáo Đồng Văn C từ 13 triệu đến 15 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước

- Áp dụng khoản 1, Điều 153; các Điều 20; 30 45; 53 điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ luật hình sự, điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Đề N xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 10 triệu đến 12 triệu sung công quỹ Nhà nước.

* Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự và điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi ni lon màu đen đã bị rách do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: Sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONYX PERIA XA màu trắng đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì dán kín.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên toà,

XÉT THẤY:

Các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Do biết Đồng Văn C đang làm thuê tại nước Trung Quốc nên ngày 10/4/2017 Nguyễn Đức T gọi điện thoại cho C nhờ mua hộ pháo từ nước Trung Quốc về Việt Nam để sử dụng trong dịp đám cưới T. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14/ 4/2017 Đồng Văn C mua của một người đàn ông Trung Quốc không biết tên 13 kg pháo nổ các loại với giá 1.000.000đ, sau đó gọi điện thoại cho T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 039.43 lên cửa khẩu Tân Thanh thuộc huyện Văn Lãng, Lạng Sơn để đón C mang pháo nổ về đến km 78 quốc lộ 1A thuộc thôn B, xã C, huyện H thì bị Công an huyện H phát hiện truy đuổi bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số pháo nổ cùng phương tiện và các vật chứng khác. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo phạm tội “ buôn lậu”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 54/VKS-HS ngày 02 tháng 7 năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T về tội “ buôn lậu” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với một số hàng hóa mà nhà nước cấm, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi buôn lậu pháo nổ là trái pháp luật, nhưng vì coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

Tình tiết tăng nặng: Không có

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Đồng Văn C thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông nội Đồng Quốc Lạp là liệt sỹ được Nhà nước tặng Huân chương kháng C hạng Ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Đức T thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ Nguyễn Đức Long được Nhà nước tặng Huân chương kháng C hạng Ba, được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh B tặng bằng Khen đã có thành tích trong kháng C chống Mỹ cứu nước, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ những phân tích trên. “ Hội đồng xét xử ”. Xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà xử các bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng là đủ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi ni lon màu đen đã bị rách do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: Sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONYX PERIA XA màu trắng đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì dán kín. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 4 năm 2017)

*** Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T phạm tội “buôn lậu” theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1, Điều 153; Điều 20; 45; 53 điểm p, h khoản 1, 2 Điều 46, 60 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Đồng Văn C 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

- Áp dụng khoản 1, Điều 153; Điều 20; 45; 43 điểm p; h khoản 1 Điều 46, 60 Bộ luật hình sự, điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 7 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo

* **Vật chứng vụ án:** Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc ba lô đã cũ; 02 vỏ túi ni lon màu đen đã bị rách do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu: Sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SoNYX PERIA XA màu trắng đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì dán kín. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 4 năm 2017)

3. **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Đồng Văn C, Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. **Quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện H (02 BA);
- VKS huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã N huyện L;
- UBND xã N huyện L
- Những người tham gia tố tụng;
- THA hình sự (02 BA);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Quốc Bảo

